

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trúc Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 780/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 825/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/121 A D, phường A D, quận L, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Số 23/77/96 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/121 A D, phường A D, quận L, thành phố Hải Phòng; lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn (chị Trần Thị N) trình bày: Tôi và anh Trần Minh Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A D, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/01/2019; việc lấy nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về cách sống, quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Anh Đ có lối sống chơi bời, đi sớm về muộn, không có trách nhiệm chăm lo cho cuộc sống chung và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tôi đã nhiều lần nói chuyện với anh Đ và gia đình hai bên đã động viên khuyên giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi mà còn thường xuyên tìm cách xa lánh tôi, luôn tìm lý do ra khỏi nhà, mặc dù vợ chồng mới cưới. Ngoài ra trước khi kết hôn với tôi, anh Đ có vợ và con riêng nhưng đã ly hôn nên cuộc sống chung giữa chúng tôi không được trọn vẹn dẫn đến có nhiều vấn đề liên quan gây nên mâu thuẫn giữa hai bên. Từ đầu năm 2020 đến nay do mâu thuẫn quá trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi và không còn quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nay đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Tôi và anh Đ không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung hay công nợ: Tôi và anh Đ không có tài sản chung và không có công nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Trần Minh Đ mặc dù đã được nhận các văn bản của Tòa án giao đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Tại biên bản thu thập chứng cứ, đại diện gia đình anh Trần Minh Đ và đại diện địa phương nơi chị N và anh Đ cư trú cho biết: Chị Trần Thị N và anh Trần Minh Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương. Trong quá trình chị N và anh Đ chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Ngoài ra trước khi kết hôn với chị N, anh Đ đã ly hôn và có con riêng nên cuộc sống chung của anh chị cũng phát sinh nhiều quan điểm bất đồng, hai bên không thông cảm và tin tưởng lẫn nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị N và anh Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi. Đến nay chị N xin ly hôn anh Đ, quan điểm gia đình và đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết. Về con chung: Chị N và anh Đ chưa có con chung nên gia đình và địa phương không có ý kiến hay đề nghị gì. Về tài sản và công nợ chung: Gia đình và địa phương không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp

hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Minh Đ. Về con chung: Chị N và anh Đ không có con chung, do vậy không đặt ra xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị N và anh Đ không yêu cầu, nên không đặt ra xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối chiếu theo điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét việc chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định, nên được chấp nhận. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa anh Trần Minh Đ đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án giao hợp lệ, qua đó cho thấy anh Đ đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Đ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Minh Đ tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai và ý kiến trình bày của nguyên đơn thể hiện quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng cách sống, quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm; vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng, nhất là từ đầu năm 2020 đến nay, do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên hai bên đã sống ly thân mỗi người ở một nơi và không còn quan hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế; điều này phù hợp với đại diện gia đình và chính quyền địa phương cung cấp. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; việc chị N xin ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N trình bày chị và anh Đ không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N trình bày, chị và anh Đ không có tài sản chung và cũng không có công nợ với ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Minh Đ.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị N đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013962 ngày 13/8/2020.

Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường A D, Q. Lê Chân,
- Tp. Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc